

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CHẾ BIẾN THỰC PHẨM HẢI HÀ**

**BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM
Số: 62/HHF/2025**

BÁNH XÓP GIÒN SỮA YẾN MẠCH BONMI

2025



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 62/HHF/2025

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM HẢI HÀ**

Địa chỉ: 32-TT5.1 Khu chức năng đô thị tại Ao Sào, Đường Ao Sào, Phường Hoàng Mai,
Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0978525440

Email: haihafoco@gmail.com Website: haihafood.com.vn

Mã số doanh nghiệp: 0110625773

II. Thông tin về sản phẩm

- Tên sản phẩm: BÁNH XỐP GIÒN SỮA YẾN MẠCH BONMI**
- Thành phần:** Yến mạch (20%), đường, chất thay thế bơ ca cao (dầu cọ), đường lactose, bột whey, kem không sữa, bột sữa đậu nành, maltodextrin, sữa bột (3,1%), chất nhũ hóa (INS322(i)), muối, bột gạo, bột ngô, bột mì, tinh bột ngô, dầu thực vật, chất ổn định (INS170(i)), hương liệu tổng hợp (hương sữa đậu nành).
- Thời hạn sử dụng sản phẩm:** Xem trên bao bì.
Ngày sản xuất: 18 tháng trước hạn sử dụng.
- Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:**
 - Quy cách đóng gói: Khối lượng tịnh 2 kg, 8 kg hoặc theo yêu cầu thực tế.
 - Chất liệu bao bì:
 - Tiếp xúc trực tiếp với sản phẩm: màng, túi nilon PE, PP, PET, MPET.
 - Bao gói ngoài: Túi nilon PE, PP, PET, MPET, MPVC, túi giấy, hộp giấy, hộp nhựa, hộp thiếc - phù hợp quy định an toàn vật liệu tiếp xúc thực phẩm của Bộ Y tế.
- Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:**
Sản xuất bởi: FUJIAN JINJIANG RUYI FOOD CO.,LTD

Địa chỉ: No.5, Xingye Road, Quetang, Luoshan, Jinjiang City, Fujian, China.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (đính kèm mẫu nhãn sản phẩm dự kiến)

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

1. QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
 - Ngưỡng giới hạn chi tiết:

| TT | Tên độc tố vi nấm | Đơn vị | Giới hạn mức công bố |
|----|-------------------|--------|----------------------|
| 1 | Aflatoxin B1 | µg/kg | 2 |
| 2 | Aflatoxin tổng số | µg/kg | 4 |
| 3 | Ochratoxin A | µg/kg | 3 |
| 4 | Deoxynivalenol | µg/kg | 500 |
| 5 | Zearaleone | µg/kg | 50 |
| 6 | Aflatoxin M1 | µg/kg | 0,5 |
| 7 | Fumonisin tổng số | µg/kg | 1000 |

2. QCVN 8-2: 2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm

- Ngưỡng giới hạn chi tiết:

| TT | Tên kim loại nặng | Đơn vị | Giới hạn mức công bố |
|----|-------------------|--------|----------------------|
| 1 | Arsen | mg/kg | 0,5 |
| 2 | Cadmi | mg/kg | 0,2 |
| 3 | Chì | mg/kg | 0,2 |
| 4 | Thủy ngân | mg/kg | 0,05 |

3. QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Ngưỡng giới hạn chi tiết:

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Giới hạn mức công bố |
|----|-----------------------------|--------|----------------------|
| 1 | TS vi khuẩn hiếu khí | CFU/g | 10^4 |
| 2 | Coliforms | CFU/g | 10 |
| 3 | Escherichia coli | CFU/g | 3 |
| 4 | Staphylococcus aureus | CFU/g | 10 |
| 5 | Clostridium perfringens | CFU/g | 10 |
| 6 | Bacillus cereus | CFU/g | 10 |
| 7 | Tổng số bào tử nấm mốc, men | CFU/g | 10^2 |

4. Thông tư 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.
5. Tiêu chuẩn cơ sở số: TCCS 62:2025/HHF

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

Hà Nội, ngày 12 tháng 12 năm 2025



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thành Trung



NHÃN SẢN PHẨM
BÁNH XÓP GIÒN SỮA YẾN MẠCH BONMI

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM HẢI HÀ
HAIHA FOOD PROSESSING JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: 32-TT5.1 Khu chức năng đô thị tại Ao Sào, Đường Ao Sào, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0978525440

Email: haihafoco@gmail.com

Website: haihafood.com.vn

Thành phần: Yến mạch (20%), đường, chất thay thế bơ ca cao (dầu cọ), đường lactose, bột whey, kem không sữa, bột sữa đậu nành, maltodextrin, sữa bột (3,1%), chất nhũ hóa (INS322(i)), muối, bột gạo, bột ngô, bột mì, tinh bột ngô, dầu thực vật, chất ổn định (INS170(i)), hương liệu tổng hợp (hương sữa đậu nành).

Thành phần giá trị dinh dưỡng trên 100g

- Năng lượng (Calories): 501Kcal - 25%
- Tổng chất béo (Total fat): 24 g - 43%
- Carbohydrate (Carbohydrate): 66 g - 21%
- Đường tổng số (Total sugar): 22 g
- Natri (Sodium): 193 mg - 10%
- Chất đạm (Protein): 5,2 g

Sản xuất bởi: Fujian Jinjiang Ruyi Food Co., Ltd.

Địa chỉ: No.5, Xingye Road, Quetang, Luoshan, Jinjiang City, Fujian, China

Xuất xứ: Trung Quốc

Hạn sử dụng:

Ngày sản xuất: 18 tháng trước hạn sử dụng

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Dùng trực tiếp, không qua chế biến
- Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có chứa bột mì, sữa, đậu nành.

Khối lượng tịnh/ Net wt: 8 kg

Số tự công bố: 62/HHF/2025

BÁNH XÓP GIÒN YÊN MẠCH NHÂN SÔCÔLA BONMI

Thương nhân nhập khẩu, phân phối và chịu trách nhiệm về sản phẩm:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM HẢI HÀ
HAIHA FOOD PROSESSING JOINT STOCK COMPANY

Địa chỉ: 32-TT5.1 Khu chức năng đô thị tại Ao Sào, Đường Ao Sào, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 0978525440

Email: haihafoco@gmail.com

Website: haihafood.com.vn



Thành phần: Đường, chất thay thế bơ ca cao (dầu cọ), yến mạch (12%), bột bánh xốp [bột gạo, bột ngô, bột mì, tinh bột ngô, đường, dầu cọ, muối, chất ổn định (INS170(i))], phẩm màu tổng hợp (INS150(a)), đường lactose, bột whey, sữa bột, kem không sữa, maltodextrin, chất nhũ hóa (INS322(i)), bột cacao (7,8%), muối.

Thành phần giá trị dinh dưỡng trên 100g

- Năng lượng (Calories): 504 Kcal - 25%
- Tổng chất béo (Total fat): 25 g - 45%
- Carbohydrate (Carbohydrate): 65 g - 21%
- Đường tổng số (Total sugar): 30 g
- Natri (Sodium): 193 mg - 10%
- Chất đạm (Protein): 4,8 g

Sản xuất bởi: Fujian Jinjiang Ruyi Food Co., Ltd.

Địa chỉ: No.5, Xingye Road, Quetang, Luoshan, Jinjiang City, Fujian, China

Xuất xứ: Trung Quốc.

Hạn sử dụng:

Ngày sản xuất: 18 tháng trước hạn sử dụng

Hướng dẫn sử dụng và bảo quản:

- Dùng trực tiếp, không qua chế biến
- Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Sản phẩm có chứa bột mì, sữa, đậu nành.

Khối lượng tịnh/ Net wt: 10 kg

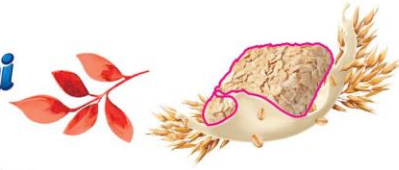
Số tự công bố: 61/HHF/2025.

*****LƯU Ý:**

KHÁCH HÀNG SOÁT LẠI THẬT CẨN THẬN: KÍCH THƯỚC, HÌNH ẢNH, NỘI DUNG, CHECK LẠI MÃ VẠCH, MÃ QR CODE,... TRƯỚC KHI DUYỆT IN. BÊN THIẾT KẾ KHÔNG CHỊU TRÁCH NHIỆM VỚI BẤT KỲ SAI SÓT NÀO SAU KHI ĐÃ BÀN GIAO FILE THIẾT KẾ GỐC.

- PHỦ MỜ TOÀN BỘ
- PHỦ BÓNG CỤC BỘ
CHỮ BONMI, LÁ, CHIẾC BÁNH

Bonmi





Số: 1125048-2/1/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu: **Bánh xốp giòn sữa yến mạch BONMI**
Mô tả mẫu: Mẫu gồm 04 gói, bảo quản nhiệt độ phòng
Số lượng mẫu: 01 mẫu
Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM HẢI HÀ**
Địa chỉ: 32-TT5.1 Khu chức năng đô thị tại Ao Sào, Đường Ao Sào, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
Ngày nhận mẫu: 26/11/2025
Thời gian thử nghiệm: 26/11/2025 – 11/12/2025
Kết quả:

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kết quả | Phương pháp thử |
|-----|--|-------------|---------|---|
| 01 | Năng lượng (tính từ Protein, Lipid, Carbohydrat) | Kcal/100g | 503,28 | Hệ số quy đổi FAO (Food and Nutrition paper 77), 2003 |
| 02* | Hàm lượng Chất đạm (Nx6,25) | g/100g | 5,54 | TCVN 8125:2015 |
| 03* | Hàm lượng Chất béo | g/100g | 23,76 | TCVN 4072:2009 |
| 04 | Hàm lượng Carbohydrate (không bao gồm chất xơ) | g/100g | 66,82 | AOAC 986.25 |
| 05* | Hàm lượng Đường tổng số | g/100g | 23,78 | FIRI.M.020 (HPLC) |
| 06* | Hàm lượng Natri (Na) | mg/100g | 155,26 | FIRI.M.118 (AAS) |

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Trọng

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (**): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.



Số: 1125048-2/2/PKQ

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên mẫu: **Bánh xốp giòn sữa yến mạch BONMI**
Mô tả mẫu: **Mẫu gồm 04 gói, bảo quản nhiệt độ phòng**
Số lượng mẫu: **01 mẫu**
Khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN THỰC PHẨM HẢI HÀ**
Địa chỉ: **32-TT5.1 Khu chức năng đô thị tại Ao Sào, Đường Ao Sào, Phường Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.**
Ngày nhận mẫu: **26/11/2025**
Thời gian thử nghiệm: **26/11/2025 – 11/12/2025**
Kết quả:

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kết quả | Phương pháp thử |
|-----|--|-------------|--------------------------------|---|
| 01* | Hàm lượng Aflatoxin B1 | µg/kg | KPH (LOD = 0,3 µg/kg) | FIRI.M.130 (LC-MS/MS) |
| 02* | Hàm lượng Aflatoxin tổng số (B1, B2, G1, G2) | µg/kg | KPH (LOD = 0,3 µg/kg) | FIRI.M.130 (LC-MS/MS) |
| 03* | Hàm lượng Aflatoxin M1 | µg/kg | KPH (LOD = 0,015 µg/kg) | FIRI.M.086 (Ref: TCVN 6685:2009) |
| 04 | Hàm lượng Ochratoxin A | µg/kg | KPH (LOD = 0,3 µg/kg) | FIRI.M.167 (LC-MS/MS) |
| 05* | Hàm lượng Deoxynivalenol | µg/kg | KPH (LOD = 30 µg/kg) | FIRI.M.105 (LC-MS/MS) |
| 06* | Hàm lượng Zearalenone | µg/kg | KPH (LOD = 5 µg/kg) | FIRI.M.105 (LC-MS/MS) |
| 07 | Hàm lượng Fumonisin tổng số | µg/kg | KPH (LOD = 0,17 µg/kg) | FIRI.M.168 (LC-MS/MS) |
| 08* | Hàm lượng Chì | mg/kg | KPH (LOD = 0,005 mg/kg) | AOAC 999.11 |
| 09* | Hàm lượng Cadimi | mg/kg | KPH (LOD = 0,002 mg/kg) | AOAC 999.11 |
| 10* | Hàm lượng Arsen (As) | mg/kg | KPH (LOD = 0,015 mg/kg) | FIRI.M.024 (2019) (Ref: AOAC 986.15) |
| 11* | Hàm lượng Thủy ngân (Hg) | mg/kg | KPH (LOD = 0,015 mg/kg) | FIRI.M.023 (2019) (Ref: AOAC 971.21) |
| 12 | Tổng số vi sinh vật hiếu khí | CFU/g | 1,1x10² | TCVN 4884-1:2015 |
| 13 | Coliforms | CFU/g | KPH (LOD = 1 CFU/g) | TCVN 6848:2007 |
| 14 | <i>E.coli</i> | CFU/g | KPH (LOD = 1 CFU/g) | TCVN 7924-2:2008 |

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (**): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

VIỆN CÔNG NGHIỆP THỰC PHẨM
TRUNG TÂM PHÂN TÍCH VÀ GIÁM ĐỊNH THỰC PHẨM QUỐC GIA
NATIONAL CENTER FOR FOOD ANALYSIS AND ASSESSMENT (NACEFA)



ISO/IEC 17025 – VILAS 259

Địa chỉ (Add.): 301 Nguyễn Trãi – Thanh Xuân – Hà Nội
Điện thoại (Tel.): (84) 24 38582752 Fax: (84) 24 38587962
Email: nacefa@firi.vn Website: <http://www.firi.vn>



VILAS 259

| STT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Kết quả | Phương pháp thử |
|-----|---|-------------|----------------------|------------------|
| 15 | Staphylococci dương tính với coagulase (<i>Staphylococcus aureus</i>) | CFU/g | KPH (LOD = 10 CFU/g) | ISO 6888-1:2021 |
| 16 | <i>Bacillus cereus</i> | CFU/g | KPH (LOD = 10 CFU/g) | TCVN 4992:2005 |
| 17 | <i>Clostridium perfringens</i> | CFU/g | KPH (LOD = 1 CFU/g) | TCVN 4991:2005 |
| 18 | Tổng số nấm men, nấm mốc | CFU/g | KPH (LOD = 1 CFU/g) | TCVN 8275-2:2010 |

Ghi chú: KPH- Không phát hiện: nghĩa là dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp thử (LOD).

Hà Nội, ngày 11 tháng 12 năm 2025

GIÁM ĐỐC



Lê Văn Trọng



VILAS 259

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng cung cấp
- Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nội gửi mẫu
- Không được sao chép một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Phân tích và giám định thực phẩm Quốc gia
- Chỉ tiêu (*): là chỉ tiêu được công nhận VILAS; chỉ tiêu (**): được thực hiện bởi nhà thầu phụ
- Không nhận khiếu nại trong trường hợp không có mẫu lưu hoặc hết thời hạn lưu mẫu theo quy định.

Trang 2/2

FIRLL.P.11.F.01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TIÊU CHUẨN CƠ SỞ

Số: TCCS 62:2025/HHF

Ngày ban hành: Ngày 12 tháng 12 năm 2025

Tên sản phẩm: Bánh xốp giòn sữa yến mạch Bonmi

I. CHỈ TIÊU CẢM QUAN

| TT | Chỉ tiêu | Yêu cầu |
|----|------------|--|
| 1. | Trạng thái | Bánh giòn xốp |
| 2. | Màu sắc | Bánh màu vàng sáng. |
| 3. | Mùi | Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm. |
| 4. | Vị | Vị ngọt nhẹ đặc trưng của sản phẩm, không có vị lạ |

II. CHỈ TIÊU CHẤT LƯỢNG CHỦ YẾU

1. Thông tin dinh dưỡng

- Tiêu chuẩn áp dụng: Thông tư 29/2023/TT-BYT về Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng và giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Chỉ tiêu chi tiết

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giá trị ghi nhãn | Dung sai chất lượng 20% |
|----|--------------------------------------|-------------|------------------|-------------------------|
| 1 | Năng lượng | Kcal/100 g | 501 | 401 – 601 |
| 2 | Carbohydrate (không bao gồm chất xơ) | g/100 g | 66 | 52 – 79 |
| 3 | Chất đạm | g/100 g | 5,2 | 4,2 – 6,2 |
| 4 | Chất béo | g/100 g | 24 | 19 – 29 |
| 5 | Đường tổng số | g/100 g | 22 | 17,6 – 26,4 |
| 6 | Natri | mg/ 100 g | 193 | 154– 232 |

III. CHỈ TIÊU AN TOÀN

1. Hàm lượng độc tố vi nấm

- Tiêu chuẩn áp dụng: QCVN 8-1:2011/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm độc tố vi nấm trong thực phẩm.
- Ngưỡng giới hạn chi tiết:

| TT | Tên độc tố vi nấm | Đơn vị | Giới hạn mức công bố |
|----|-------------------|--------|----------------------|
| 1 | Aflatoxin B1 | µg/kg | 2 |
| 2 | Aflatoxin tổng số | µg/kg | 4 |
| 3 | Ochratoxin A | µg/kg | 3 |
| 4 | Deoxynivalenol | µg/kg | 500 |
| 5 | Zearaleone | µg/kg | 50 |
| 6 | Aflatoxin M1 | µg/kg | 0,5 |
| 7 | Fumonisin tổng số | µg/kg | 1000 |

2. Hàm lượng kim loại nặng

- Tiêu chuẩn áp dụng: QCVN 8-2: 2011/BYT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm.
- Ngưỡng giới hạn chi tiết:

| TT | Tên kim loại nặng | Đơn vị | Giới hạn mức công bố |
|----|-------------------|--------|----------------------|
| 1 | Arsen | mg/kg | 0,5 |
| 2 | Cadmi | mg/kg | 0,2 |
| 3 | Chì | mg/kg | 0,2 |
| 4 | Thủy ngân | mg/kg | 0,05 |

3. Hàm lượng vi sinh vật

- Tiêu chuẩn áp dụng: QCVN 8-3:2012/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với ô nhiễm vi sinh vật trong thực phẩm.
- Ngưỡng giới hạn chi tiết:

| TT | Tên chỉ tiêu | Đơn vị | Giới hạn mức công bố |
|----|-----------------------------|--------|----------------------|
| 1 | TS vi khuẩn hiếu khí | CFU/g | 10 ⁴ |
| 2 | Coliforms | CFU/g | 10 |
| 3 | Escherichia coli | CFU/g | 3 |
| 4 | Staphylococcus aureus | CFU/g | 10 |
| 5 | Clostridium perfringens | CFU/g | 10 |
| 6 | Bacillus cereus | CFU/g | 10 |
| 7 | Tổng số bào tử nấm mốc, men | CFU/g | 10 ² |

4. Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm. Sản phẩm tuân thủ các quy định hiện hành sau:

- Thông tư 24/20219/TT-BYT quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm.

IV. THỜI HẠN SỬ DỤNG:

- Hạn sử dụng: Xem trên bao bì.
- Ngày sản xuất : 18 tháng trước hạn sử dụng.

V. HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG VÀ BẢO QUẢN:

- Hướng dẫn sử dụng: Dùng trực tiếp, không qua chế biến
- Hướng dẫn bảo quản: Bảo quản nơi khô ráo và thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

VI. THÔNG TIN DỊ ỨNG:

- Sản phẩm có chứa bột mì, sữa, đậu nành.



ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Nguyễn Thành Trung